TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH CÀ MAU	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/02/2023

V/v: Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thắng
2. Bà Nguyễn Hằng Ny

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kiều N; Sinh năm: 1979 (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G; Sinh năm: 1984 (có mặt);

Cùng địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Kiều N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh G tự nguyện chung sống vói nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh G ghen tuông vô cớ, đánh chị nhiều lần, vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống gia đình không hạnh phúc.Vì vậy, chị yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thúy Kiều – sinh ngày 06/01/2001 và Nguyễn Mỹ Kiều – sinh ngày 02/7/2005. Cháu Thúy Kiều đã trưởng

thành, khi ly hôn chị N tự nguyện giao cháu Mỹ Kiều cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày:

Anh G thống nhất với lời trình bày của chị N về các vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn nên anh cũng thống nhất ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thúy Kiều – sinh ngày 06/01/2001 và Nguyễn Mỹ Kiều – sinh ngày 02/7/2005. Cháu Thúy Kiều đã trưởng thành, khi ly hôn anh chị tự nguyện thỏa thuận giao cháu Mỹ Kiều cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, anh G không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Kiều N khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với bị đơn là anh Nguyễn Văn G. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Anh G có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị và anh G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh G ghen tuông vô cớ, đánh chị nhiều lần, vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh G chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống chị N và anh G có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì

vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Kiều N và anh Nguyễn Văn G là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thúy Kiều – sinh ngày 06/01/2001 và Nguyễn Mỹ Kiều – sinh ngày 02/7/2005. Cháu Thúy Kiều đã trưởng thành, khi ly hôn anh chị tự nguyện thỏa thuận giao cháu Mỹ Kiều cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng nên cần giao cháu Mỹ Kiều cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh G không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh G tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị N và anh G xác định trong quá trình chung sống anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ lại anh chị nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 53, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều N.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Kiều N và anh Nguyễn Văn G là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mỹ Kiều – sinh ngày 02/7/2005 cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Kiều N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Vào ngày 20 tháng 12 năm 2022 chị N có dự

nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003242 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu và đối trừ án phí.

3. Chị N và anh G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi